

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 43

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Hội đồng quản trị			
Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch	06/6/2017	
Ông Huỳnh Tuấn Anh	Thành viên	27/4/2018	
Ông Đặng Đức Hiền	Thành viên	06/6/2017	
Ông Trần Quang Minh	Thành viên	06/6/2017	
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên	06/6/2017	
Ông Lê Huy Hùng	Thành viên	06/6/2017	
Ông Trần Văn Châu	Thành viên	06/6/2017	
Ban kiểm soát			
Bà Lại Thị Thu	Trưởng ban	06/6/2017	
Bà Dương Quỳnh Nga	Ủy viên	06/6/2017	
Bà Trương Thị Thanh Nhung	Ủy viên	06/6/2017	
Ông Nguyễn Ngọc Lương	Ủy viên	06/6/2017	
Bà Lê Thị Kim Xuyên	Ủy viên	06/6/2017	
Ban Giám đốc			
Ông Huỳnh Tuấn Anh	Giám đốc	27/4/2018	
Ông Nguyễn Hữu Hiệp	Phó Giám đốc	06/6/2017	
Bà Lê Thị Thanh Tâm	Phó Giám đốc	06/6/2017	
Ông Nguyễn Anh Kiệt	Phó Giám đốc	15/3/2019	
Bà Hồ Thị Kim Phượng	Phó Giám đốc	01/7/2019	
Bà Vũ Thị Như Quỳnh	Kế toán trưởng	06/6/2017	

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Huỳnh Tuấn Anh chức danh Giám đốc/ Thành viên Hội đồng quản trị Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



HUỶNH TUẤN ANH - Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn, được lập ngày 26 tháng 03 năm 2020, từ trang 6 đến trang 43 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại thuyết minh Báo cáo tài chính số III.2, do đặc thù ngành nghề, hàng năm Công ty đều phát sinh các khoản chi phí gắn đồng hồ nước miễn phí cho khách hàng theo quy định tại Nghị định 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007, số lượng gắn mới đồng hồ nước mỗi năm là khác nhau, căn cứ theo kế hoạch phát triển mạng lưới cấp nước sạch cho dân. Năm nay Hội đồng quản trị Công ty quyết định ghi nhận toàn bộ chi phí gắn mới đồng hồ nước của năm 2019 vào Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm, thay vì phân bổ dần vào Kết quả kinh doanh trong thời gian hữu dụng của đồng hồ nước như các năm trước

Việc thay đổi thời gian phân bổ chi phí gắn mới đồng hồ nước đã làm chỉ tiêu “Giá vốn hàng bán” trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 tăng lên với số tiền là 12.270.370.876 VND, điều này làm cho chỉ tiêu “Lợi nhuận trước thuế” trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm nay và chỉ tiêu “Chi phí trả trước dài hạn” trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 giảm xuống tương ứng với số tiền là 12.270.370.876 VND. Ý kiến kiểm toán của Chúng tôi không liên quan tới vấn đề này.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2020

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



NGUYỄN THỊ THƠM - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0787-2018-037-1

LÊ THỊ BÍCH NGỌC - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1817-2018-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	31/12/2018
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		142.349.937.835	130.415.903.775
I . Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	64.195.166.006	32.462.303.526
1. Tiền	111		20.145.979.406	18.462.303.526
2. Các khoản tương đương tiền	112		44.049.186.600	14.000.000.000
II . Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2a	17.538.692.295	50.596.753.234
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		17.538.692.295	50.596.753.234
III . Các khoản phải thu ngắn hạn	130		36.085.187.128	24.618.651.194
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	30.247.394.591	20.962.680.069
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	6.974.169.150	3.649.014.710
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	2.191.987.615	2.221.692.184
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(3.328.364.228)	(2.214.735.769)
IV . Hàng tồn kho	140	V.7	17.620.798.911	16.295.325.787
Hàng tồn kho	141		17.620.798.911	16.295.325.787
V . Tài sản ngắn hạn khác	150		6.910.093.495	6.442.870.034
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	3.688.895.892	2.213.660.600
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.221.197.603	4.229.209.434
B . TÀI SẢN DÀI HẠN	200		276.529.562.130	292.814.137.848
I . Các khoản phải thu dài hạn	210		8.292.634	13.292.634
Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	8.292.634	13.292.634
II . Tài sản cố định	220		206.393.165.553	222.772.919.456
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	205.384.093.362	222.302.125.599
Nguyên giá	222		755.413.510.123	728.842.790.708
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(550.029.416.761)	(506.540.665.109)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.009.072.191	470.793.857
Nguyên giá	228		6.273.444.666	5.074.186.666
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.264.372.475)	(4.603.392.809)
III . Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV . Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	6.183.490.778	9.690.368.158
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		6.183.490.778	9.690.368.158
V . Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	8.330.000	8.330.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		8.330.000	8.330.000
VI . Tài sản dài hạn khác	260		63.936.283.165	60.329.227.600
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	63.936.283.165	60.329.227.600
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		418.879.499.965	423.230.041.623

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	31/12/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		202.037.183.389	212.501.383.269
I. Nợ ngắn hạn	310		154.484.937.488	169.862.060.477
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	91.386.763.201	106.546.476.852
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	10.161.719.853	6.259.777.265
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	13.550.039.289	11.757.132.561
4. Phải trả người lao động	314		10.305.303.223	15.936.994.299
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	10.711.847.966	12.090.394.702
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	8.230.092.579	10.254.644.878
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	5.615.559.054	3.737.480.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	4.523.612.323	3.279.159.920
II. Nợ dài hạn	330		47.552.245.901	42.639.322.792
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	14.383.187.136	16.371.815.341
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	31.933.564.311	23.454.660.986
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.19	1.235.494.454	2.812.846.465
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		216.842.316.576	210.728.658.354
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	216.842.316.576	210.728.658.354
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		130.000.000.000	130.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>130.000.000.000</i>	<i>130.000.000.000</i>
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		63.849.723.527	63.849.723.527
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		22.992.593.049	16.878.934.827
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>942.434.827</i>	<i>3.325.468.227</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>22.050.158.222</i>	<i>13.553.466.600</i>
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		418.879.499.965	423.230.041.623

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2020


NGUYỄN THỊ KIM LOAN
 Người lập biểu


VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
 Kế toán trưởng




HUỲNH TUẤN ANH
 Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2019	2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.067.925.326.526	1.016.573.814.286
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		835.327.561	5.512.509.685
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.067.089.998.965	1.011.061.304.601
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	972.801.343.889	940.164.705.411
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		94.288.655.076	70.896.599.190
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.764.373.547	3.130.698.753
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.827.285.938	1.343.929.448
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.827.285.938	1.343.929.448
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	20.761.677.458	17.247.322.660
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	43.980.205.077	40.302.364.921
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		31.483.860.150	15.133.680.914
11. Thu nhập khác	31		2.120.886.628	2.263.773.424
12. Chi phí khác	32		3.315.239.239	600.502.829
13. Lợi nhuận khác	40	VI.7	(1.194.352.611)	1.663.270.595
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		30.289.507.539	16.796.951.509
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	9.816.701.328	1.565.810.939
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(1.577.352.011)	1.677.673.970
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		22.050.158.222	13.553.466.600
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10a	1.108	617
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10b	1.108	617

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2020


NGUYỄN THỊ KIM LOAN
Người lập biểu

VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Kế toán trưởngHUỖNH TUẤN ANH
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2019	2018
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		30.289.507.539	16.796.951.509
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		47.041.617.343	45.692.358.185
- Các khoản dự phòng	03		1.113.628.459	229.644.233
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.271.478.356)	(3.764.062.249)
- Chi phí lãi vay	06		2.827.285.938	1.343.929.448
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		77.000.560.923	60.298.821.126
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(11.926.458.974)	98.061.460.599
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.325.473.124)	3.773.264.963
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(7.090.557.251)	(81.628.158.782)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(5.082.290.857)	153.207.297
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.536.403.404)	(1.061.509.761)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(8.483.513.402)	(3.520.826.326)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		54.915.000	113.590.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.346.962.597)	(4.765.429.840)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		36.263.816.314	71.424.419.276
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(42.875.407.566)	(53.612.966.535)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		110.000.000	73.650.822
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(76.518.979.328)	(98.640.917.618)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		109.577.040.267	48.044.164.384
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.123.679.959	2.272.666.479
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.583.666.668)	(101.863.402.468)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		15.266.862.379	27.192.140.986
Tiền trả nợ gốc vay	34		(4.909.880.000)	(5.499.949.329)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.304.269.545)	(9.151.444.956)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		52.712.834	12.540.746.701
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		31.732.862.480	(17.898.236.491)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		32.462.303.526	50.360.540.017
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	64.195.166.006	32.462.303.526

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2020

NGUYỄN THỊ KIM LOAN

Người lập biểu

VŨ THỊ NHƯ QUỲNH

Kế toán trưởng

HUỖN TUẤN ANH

Giám đốc

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU B09-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn (tên giao dịch: Cho Lon Wasuco JSC) là Doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước – Chi nhánh cấp nước Chợ Lớn thuộc Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005924 ngày 16 tháng 01 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ nhất lần thứ nhất ngày 02 tháng 06 năm 2008, chuẩn y việc bổ sung một số ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ hai số 0304797806 ngày 16 tháng 05 năm 2012, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật Ông Lê Trọng Hiếu thay thế Ông Phạm Mạnh Đức.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ ba số 0304797806 ngày 18 tháng 5 năm 2018, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là Ông Huỳnh Tuấn Anh thay thế Ông Lê Trọng Hiếu

Cổ phiếu của Công ty được phép niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 223/2010/QĐ-SGDHCM ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với số lượng 13.000.000 cổ phiếu niêm yết tương ứng 130.000.000.000 VND. Ngày 11 tháng 01 năm 2011, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn đã chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là CLW.

- **Vốn điều lệ** : 130.000.000.000 VND
 - Số cổ phiếu : 13.000.000 cổ phiếu
 - Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu
- **Trụ sở hoạt động**
 - Địa chỉ : Số 97 đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
 - Điện thoại : (84-28) 3 9552 354
 - Fax : (84-28) 3 9550 424
 - Mã số thuế : 0 3 0 4 7 9 7 8 0 6

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Ngành, nghề kinh doanh

- Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất (trên địa bàn được phân công theo quyết định của Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn);
- Tư vấn xây dựng công trình cấp nước – dân dụng – công nghiệp (trừ: khảo sát xây dựng, giám sát thi công);
- Xây dựng công trình cấp nước;
- Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Lập dự án;
- Thẩm tra thiết kế;
- Tái lập mặt đường đối với công trình chuyên ngành cấp nước;
- Giám sát thi công xây dựng công trình cấp thoát nước;
- Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành cấp nước;
- Đại lý ký gửi hàng hóa./.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính

Công ty hiện đang hoạt động trong lĩnh vực cung cấp nước sạch phục vụ nhu cầu thiết yếu cho tiêu dùng và sản xuất, cùng với sự phát triển của hệ thống đô thị, hệ thống hạ tầng kỹ thuật nói chung và hệ thống công trình cấp nước nói riêng từng bước được đầu tư xây dựng đồng bộ nhằm đáp ứng các nhu cầu của xã hội là sự gia tăng về các chi phí lắp đặt hệ thống, mạng lưới cấp nước. Do đặc thù ngành nghề, hàng năm Công ty đều phát sinh các khoản chi phí gắn đồng hồ nước miễn phí cho khách hàng theo quy định tại Nghị định 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007, số lượng gắn mới đồng hồ nước mỗi năm là khác nhau, căn cứ theo kế hoạch phát triển mạng lưới cấp nước sạch cho dân. Năm nay Hội đồng quản trị Công ty quyết định ghi nhận toàn bộ chi phí gắn mới đồng hồ nước của năm 2019 vào Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm, thay vì phân bổ dần vào Kết quả kinh doanh trong thời gian hữu dụng của đồng hồ nước như các năm trước. Việc thay đổi thời gian phân bổ chi phí này có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty trong năm nay (Xem thuyết minh số III.2).

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

7. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 461 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 456 người).

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 là kỳ kế toán năm thứ 13 của Công ty kể từ ngày chính thức chuyển sang công ty cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Thay đổi ước tính kế toán

Như đã trình bày ở thuyết minh số I.5, do đặc thù ngành nghề, hàng năm Công ty đều phát sinh các khoản chi phí gắn đồng hồ nước miễn phí cho khách hàng theo quy định tại Nghị định 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007, số lượng gắn mới đồng hồ nước mỗi năm là khác nhau, căn cứ theo kế hoạch phát triển mạng lưới cấp nước sạch cho dân. Năm nay Hội đồng quản trị Công ty quyết định ghi nhận toàn bộ chi phí gắn mới đồng hồ nước của năm 2019 vào Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm, thay vì phân bổ dần vào Kết quả kinh doanh trong thời gian hữu dụng của đồng hồ nước như các năm trước

Việc thay đổi thời gian phân bổ chi phí gắn mới đồng hồ nước đã làm chỉ tiêu “Giá vốn hàng bán” trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 tăng lên với số tiền là 12.270.370.876 VND, điều này làm cho chỉ tiêu “Lợi nhuận trước thuế” trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm nay và chỉ tiêu “Chi phí trả trước dài hạn” trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 giảm xuống tương ứng với số tiền là 12.270.370.876 VND.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng, phải thu tiền thi công xây dựng các công trình, phải thu dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản phải chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại, các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày Báo cáo tài chính đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng Công ty thu thập được các bằng chứng xác định tổ chức kinh tế đã phá, đã mở thủ tục pháp sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được Công ty yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được Công ty khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Tăng, giảm số dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	25 – 50
Máy móc thiết bị	05 – 10
Thiết bị văn phòng	03 – 08
Phương tiện vận tải	06 – 10
Phương tiện truyền dẫn	10 – 30

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

9. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định của Công ty thể hiện phần mềm máy tính.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 2 - 3 năm.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chưa hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng, liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là toàn bộ chi phí phát sinh thực tế liên quan đến việc sửa chữa, cải tạo,.. tài sản cố định. Khi công việc sửa chữa lớn tài sản cố định hoàn thành, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển chi phí vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị nhỏ)/ chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển vào “Tài sản cố định” khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích (chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị lớn và liên quan đến nhiều kỳ sản xuất kinh doanh).

11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản chi phí mua bảo hiểm nhân thọ cho nhân viên, chi phí gán mới và thay thế đồng hồ nước, chi phí cải tạo ống mục và chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

- Chi phí thay đồng hồ nước định kỳ, chi phí cải tạo ống mục được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.
- Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa văn phòng làm việc, được phân bổ vào Kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người ủy thác.
- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: cổ tức và lợi nhuận phải trả; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả bồi thường, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,...

13. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

14. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trong trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi nhận giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập Báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

16. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

17. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Theo biên bản kết luận thanh tra thuế số 1757/KL-CT ngày 14 tháng 12 năm 2015 thì từ kỳ tính thuế năm 2009, Công ty sẽ được áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính cho thời gian còn lại. Do đến hết kỳ tính thuế năm 2008, Công ty đã hết thời gian miễn thuế theo Thông tư số 134/2007/TT-BTC nên mức ưu đãi Công ty được hưởng cụ thể như sau: Thuế suất 10% từ năm 2009 đến năm 2021; giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tính từ năm 2009. Năm nay Công ty đã hết được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

19. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2019</u>	<u>31/12/2018</u>
Tiền mặt	42.501.581	15.458.083
Tiền gửi ngân hàng	20.103.477.825	18.446.845.443
Các khoản tương đương tiền (i)	44.049.186.600	14.000.000.000
Cộng	<u>64.195.166.006</u>	<u>32.462.303.526</u>

- (i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Chi nhánh Bình Tây và Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam với lãi suất từ 5,4 - 5,5%/ năm (năm 2018: 5,4 - 5,5%/ năm).

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>31/12/2019</u>		<u>31/12/2018</u>	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn				
a) Ngắn hạn	17.538.692.295	17.538.692.295	50.596.753.234	50.596.753.234
Tiền gửi có kỳ hạn	17.538.692.295	17.538.692.295	50.596.753.234	50.596.753.234
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn (i)	17.538.692.295	17.538.692.295	33.096.753.234	33.096.753.234
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	-	-	17.500.000.000	17.500.000.000
b) Dài hạn	8.330.000	8.330.000	8.330.000	8.330.000
Các khoản đầu tư khác	8.330.000	8.330.000	8.330.000	8.330.000
Cộng	<u>17.547.022.295</u>	<u>17.547.022.295</u>	<u>50.605.083.234</u>	<u>50.605.083.234</u>

- (i) Khoản tiền gửi kỳ hạn 6 tháng với lãi suất 7,4%/ năm (Năm 2018 là 7,1%/ năm)

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2019		31/12/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	8.744.552.186	-	12.951.055.881	-
Các khách hàng liên quan đến dịch vụ cung cấp nước	21.190.903.200	3.328.364.228	6.596.064.211	2.214.735.769
Các khách hàng liên quan đến dịch vụ khác	311.939.205	-	1.415.559.977	-
Cộng	30.247.394.591	3.328.364.228	20.962.680.069	2.214.735.769

Trong đó phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2019		31/12/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	8.744.552.186	-	12.951.055.881	-
Xí nghiệp Truyền Dẫn Nước sạch	-	-	292.958.500	-
Cộng	8.744.552.186	-	13.244.014.381	-

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2019	31/12/2018
Công ty TNHH ĐTXD - Cấp Thoát Nước & Môi Trường WASEEN	2.709.245.435	734.715.075
Công ty TNHH Hải Hoàng Dương	-	1.021.211.847
Công ty TNHH MTV Bá Đức	-	1.424.379.997
Công ty CP Tư Vấn XD Cấp Nước	54.020.108	103.158.207
Công ty TNHH Bảo Phú Nam	1.048.734.055	-
Công ty TNHH MTV CN Đồng Tâm Đồng Tiến	1.466.683.269	-
Các khách hàng khác	1.695.486.283	365.549.584
Cộng	6.974.169.150	3.649.014.710

Trong đó trả trước người bán là các bên liên quan

Công ty CP Tư Vấn XD Cấp Nước	54.020.108	103.158.207
Cộng	54.020.108	103.158.207

5. Các khoản phải thu khác

	31/12/2019		31/12/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu ngắn hạn khác	2.191.987.615	-	2.221.692.184	-
Phải thu khác là bên liên quan	-	-	15.695.000	-
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn	-	-	-	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	31/12/2019		31/12/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Xí nghiệp Truyền Dẫn Nước sạch	-	-	15.695.000	-
Phải thu khác	2.191.987.615	-	2.205.997.184	-
Phải thu về khoản cho mượn vật tư	1.297.847.135	-	882.388.624	-
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	582.163.362	-	941.469.774	-
Phải thu khác	273.837.118	-	382.138.786	-
Tạm ứng	38.140.000	-	-	-
b) Phải thu dài hạn khác	8.292.634	-	13.292.634	-
Ký quỹ dài hạn	8.292.634	-	13.292.634	-
Cộng	2.200.280.249	-	2.234.984.818	-

6. Nợ xấu

	31/12/2019			31/12/2018		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn khách hàng	4.467.565.727	1.139.201.499	3.328.364.228	5.041.407.910	2.826.672.141	2.214.735.769
Cộng	4.467.565.727	1.139.201.499	3.328.364.228	5.041.407.910	2.826.672.141	2.214.735.769

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	2019	2018
Số đầu năm	2.214.735.769	1.985.091.536
Trích lập dự phòng trong năm	3.328.364.228	2.214.735.769
Hoàn nhập dự phòng trong năm	2.214.735.769	1.985.091.536
Số cuối năm	3.328.364.228	2.214.735.769

Thuyết minh thông tin về các khoản nợ xấu

- Các khoản nợ xấu liên quan các khoản phải thu của khách hàng bán hàng đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khách hàng khó có khả năng thanh toán, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự.
- Không có khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm,... theo hợp đồng phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu.
- Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng đã trích lập.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	31/12/2019		31/12/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	17.493.017.666	-	16.167.544.542	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	127.781.245	-	127.781.245	-
Cộng	17.620.798.911	-	16.295.325.787	-

8. Chi phí trả trước

	31/12/2019	31/12/2018
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	3.688.895.892	2.213.660.600
Công cụ dụng cụ	1.932.495.892	1.443.860.596
Bảo hiểm nhân thọ cho nhân viên	1.756.400.000	769.800.004
b) Chi phí trả trước dài hạn	63.936.283.165	60.329.227.600
Chi phí sửa chữa văn phòng	464.402.951	127.590.081
Gắn đồng hồ nước theo NĐ 117	30.119.000.581	43.602.581.187
Thay đồng hồ nước	26.768.665.962	9.513.146.861
Chi phí CTOM, thay đồng hồ tổng	530.271.111	833.154.405
Lắp đặt màn sáo	-	12.941.530
Chi phí cải tạo ống mục phục vụ CTTN	6.053.942.560	4.997.114.068
Công cụ dụng cụ	-	35.521.955
Phần mềm ARCGIS	-	996.247.708
Xây dựng nhà kho vật tư	-	210.929.805
Cộng	67.625.179.057	62.542.888.200

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá					
01/01/2019	29.216.148.586	1.004.708.486	679.856.926.952	18.765.006.684	728.842.790.708
Tăng trong năm	-	595.887.392	29.000.018.814	545.556.175	30.141.462.381
Mua trong năm	-	595.887.392	2.947.389.272	545.556.175	4.088.832.839
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	26.052.629.542	-	26.052.629.542
Giảm trong năm	-	122.258.000	3.162.006.966	286.478.000	3.570.742.966
Thanh lý, nhượng bán	-	122.258.000	3.086.045.216	286.478.000	3.494.781.216
Giảm nguyên giá theo Quyết toán	-	-	75.961.750	-	75.961.750
31/12/2019	29.216.148.586	1.478.337.878	705.694.938.800	19.024.084.859	755.413.510.123
Giá trị hao mòn lũy kế					
01/01/2019	1.744.608.734	889.171.758	489.441.407.625	14.465.476.992	506.540.665.109
Tăng trong năm	585.530.484	124.057.080	43.443.314.697	2.227.735.416	46.380.637.677
Khấu hao trong năm	585.530.484	124.057.080	43.443.314.697	2.227.735.416	46.380.637.677
Giảm trong năm	-	119.382.762	2.486.025.263	286.478.000	2.891.886.025
Thanh lý, nhượng bán	-	119.382.762	2.486.025.263	286.478.000	2.891.886.025
31/12/2019	2.330.139.218	893.846.076	530.398.697.059	16.406.734.408	550.029.416.761
Giá trị còn lại					
31/12/2018	27.471.539.852	115.536.728	190.415.519.327	4.299.529.692	222.302.125.599
31/12/2019	26.886.009.368	584.491.802	175.296.241.741	2.617.350.451	205.384.093.362
Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng, chi tiết:					
31/12/2018	-	801.366.486	279.536.766.250	8.307.711.043	288.645.843.779
31/12/2019	-	712.966.486	308.422.998.231	10.925.576.819	320.061.541.536

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Phần mềm Quản lý</u>	<u>Cộng TSCĐ vô hình</u>
Nguyên giá		
01/01/2019	5.074.186.666	5.074.186.666
Tăng trong năm	1.479.128.000	1.479.128.000
<i>Mua trong năm</i>	<i>179.955.000</i>	<i>179.955.000</i>
Đầu tư xây dựng hoàn thành	1.299.173.000	1.299.173.000
Giảm trong năm	279.870.000	279.870.000
<i>Điều chỉnh phân loại</i>	<i>279.870.000</i>	<i>279.870.000</i>
31/12/2019	6.273.444.666	6.273.444.666
Giá trị hao mòn lũy kế		
01/01/2019	4.603.392.809	4.603.392.809
Tăng trong năm	660.979.666	660.979.666
<i>Khấu hao trong năm</i>	<i>660.979.666</i>	<i>660.979.666</i>
Giảm trong năm	-	-
31/12/2019	5.264.372.475	5.264.372.475
Giá trị còn lại		
31/12/2018	470.793.857	470.793.857
31/12/2019	1.009.072.191	1.009.072.191
Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:		
31/12/2018	3.951.186.666	3.951.186.666
31/12/2019	4.581.186.666	4.581.186.666

11. Tài sản dở dang dài hạn

	<u>31/12/2019</u>	<u>31/12/2018</u>
Xây dựng cơ bản dở dang		
Công trình di dời đường ống	546.934.061	3.421.749.270
Công trình chống thất thoát nước	375.375.003	986.897.053
Công trình cải tạo ống mục	1.394.041.948	1.199.077.147
Công trình đầu tư ống cái	1.210.728.215	1.441.724.098
Công trình phát triển mạng lưới	2.656.411.551	1.621.617.590
Phát triển phần mềm Gis	-	1.019.303.000
Cộng	6.183.490.778	9.690.368.158

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2019		31/12/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn	84.226.174.885	84.226.174.885	95.768.554.632	95.768.554.632
Công ty CP ĐT XD Kỹ Nguyên	1.005.709.682	1.005.709.682	6.409.323.688	6.409.323.688
Công ty CP ĐT XD & TM Thái Bình Dương	-	-	74.106.992	74.106.992
Công ty TNHH PTP	2.476.980.000	2.476.980.000	-	-
Công ty CP Tư Vấn XD CT Giao Thông Công Chánh	-	-	223.677.256	223.677.256
Nhà cung cấp khác	3.677.898.634	3.677.898.634	4.070.814.284	4.070.814.284
Cộng	91.386.763.201	91.386.763.201	106.546.476.852	106.546.476.852

Trong đó phải trả người bán là bên liên quan

	31/12/2019		31/12/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tổng Công Ty Cấp Nước Sài Gòn	84.226.174.885	84.226.174.885	95.768.554.632	95.768.554.632
Công ty CP Tư Vấn XD CT Giao Thông Công Chánh	-	-	223.677.256	223.677.256
Cộng	84.226.174.885	84.226.174.885	95.992.231.888	95.992.231.888

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2019	31/12/2018
Truy thu tiền thất thoát nước	-	624.679.257
Tạm thu chi phí thiết kế ống ngầm	47.393.390	226.393.390
Tiền nước chưa giải trách	10.107.392.274	5.390.542.199
Các khách hàng khác	6.934.189	18.162.419
Cộng	10.161.719.853	6.259.777.265

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	01/01/2019	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2019
Thuế Giá trị gia tăng nội địa	656.393.409	(16.936.650)	639.456.759	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.297.663.861	9.816.701.328	8.483.513.402	2.630.851.787
Thuế thu nhập cá nhân	399.384.651	3.603.224.250	3.389.774.090	612.834.811
Tiền nhà đất, tiền thuê đất	-	590.234.400	590.234.400	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chỉ tiêu	01/01/2019	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2019
Phí bảo vệ môi trường	9.403.690.640	100.202.388.558	99.299.726.507	10.306.352.691
Cộng	11.757.132.561	114.198.611.886	112.405.705.158	13.550.039.289

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2019	31/12/2018
Trích trước chi phí thuê thực hiện các công trình phát triển mạng lưới ống nước nghiệm thu nhưng chưa quyết toán.	879.640.135	6.658.888.973
Trích trước chi phí gắn đồng hồ nước theo nghị định 117	3.539.703.335	4.284.122.474
Trích trước chi phí sửa bể, TLMĐ sửa bể, nâng dờ ĐHN (TK 6272,1543)	4.702.760.064	-
Trích trước chi phí gắn Ống cái	657.988.875	186.857.932
Thù lao HDQT	197.500.000	345.600.003
Chi phí Lãi vay	573.302.221	-
Chi phí khác	160.953.336	614.925.320
Cộng	10.711.847.966	12.090.394.702

16. Phải trả khác

a) Phải trả ngắn hạn khác	8.230.092.579	10.254.644.878
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	711.572.719	711.572.719
Công ty TNHH MTV CT Giao Thông Công Chánh	70.000.000	70.000.000
Kinh phí công đoàn, các khoản bảo hiểm phải nộp	9.387.138	9.387.138
Nhận ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	4.303.310.659	5.547.209.146
Phí bảo vệ môi trường được giữ lại để chi	5.396.032	27.396.443
Cổ tức phải trả cho cổ đông	1.160.909.190	1.065.178.735
Các khoản phải trả khác	1.969.516.841	2.823.900.697
b) Phải trả dài hạn khác	14.383.187.136	16.371.815.341
Phải trả khách hàng đầu tư ống cái gắn đồng hồ nước	14.383.187.136	16.371.815.341
Cộng	22.613.279.715	26.626.460.219
Trong đó phải trả khác là bên liên quan		
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	711.572.719	711.572.719
Công ty TNHH MTV CT Giao Thông Công Chánh	70.000.000	70.000.000
Cộng	781.572.719	781.572.719

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Vay và nợ tài chính

	01/01/2019			Trong năm		31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Kết chuyển nợ dài hạn	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	3.737.480.000	3.737.480.000	-	3.737.480.000	5.615.559.054	5.615.559.054	5.615.559.054
Vay dài hạn Ngân hàng NN&PTNT đến hạn trả (i)	3.737.480.000	3.737.480.000	-	3.737.480.000	5.615.559.054	5.615.559.054	5.615.559.054
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	23.454.660.986	23.454.660.986	15.266.862.379	1.172.400.000	(5.615.559.054)	31.933.564.311	31.933.564.311
Ngân hàng NN&PTNT (i)	23.454.660.986	23.454.660.986	12.429.737.380	1.172.400.000	(5.615.559.054)	29.096.439.312	29.096.439.312
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Thành (ii)	-	-	2.837.124.999	-	-	2.837.124.999	2.837.124.999
Cộng	27.192.140.986	27.192.140.986	15.266.862.379	4.909.880.000	-	37.549.123.365	37.549.123.365

(i) Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn :

Hợp đồng tín dụng : Số 6220-LAV-2017.01235/HĐTĐ ngày 30 ngày 11 tháng 2017.

Số tiền cho vay : 43.800.000.000 VND.

Thời gian cho vay : 8 năm (kể từ ngày giải ngân).

Thời gian ân hạn : 1 năm.

Lãi suất cho vay : 7,5%/ năm trong 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân đầu tiên, điều chỉnh theo kỳ hạn 6 tháng/ lần hoặc theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Kỳ thanh toán nợ gốc : Trả đều hàng quý, cùng kỳ với nợ lãi, quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ.

Kỳ thanh toán lãi : Ngày 20 hàng quý (20/1, 20/4, 20/7 và 20/10).

Mục đích sử dụng vốn vay : Đầu tư thay mới ống mục trên địa bàn Quận 5, Quận 6, Quận 8 cho 16 dự án đã có Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay là Hệ thống đường ống cấp nước và các tài sản có liên quan do Agribank - Chi nhánh Chợ Lớn tài trợ theo

Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 6220-LCL-2017.01008/HTTL ngày 16/10/2017.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(ii) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Thành

Hợp đồng tín dụng	: Số 0017/TD3.TC/19CD ngày 01 ngày 10 tháng 2019.
Số tiền cho vay	: 38.000.000.000 VND.
Thời gian cho vay	: 120 tháng (kể từ ngày giải ngân).
Thời gian ân hạn	: 1 năm.
Lãi suất cho vay	: 7,5%/ năm trong 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân đầu tiên, chu kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/ lần.
Kỳ thanh toán nợ gốc	: 3 tháng/kỳ, quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ.
Kỳ thanh toán lãi	: Ngày 26 hàng tháng.
Mục đích sử dụng vốn vay	: Đầu tư dự án thay mới ống mục tại địa bàn Quận 5, Quận 6, Quận 8 TP. Hồ Chí Minh do Công ty làm chủ đầu tư.
Tài sản đảm bảo	: Không có.

Khoản vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2019</u>	<u>31/12/2018</u>
Trong vòng 1 năm	5.615.559.054	3.737.480.000
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	23.382.384.864	14.949.920.000
Sau 5 năm	8.551.179.447	8.504.740.986
Cộng	37.549.123.365	27.192.140.986
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(5.615.559.054)	(3.737.480.000)
Số phải trả sau 12 tháng	31.933.564.311	23.454.660.986

18. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Tại ngày 01 tháng 01	Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Tăng khác	Tại ngày 31 tháng 12
2018					
Quỹ khen thưởng	1.951.505.657	2.549.870.877	2.926.230.000	113.590.000	1.688.736.534
Quỹ phúc lợi	108.166.828	2.926.340.546	1.518.567.714	-	1.515.939.660
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	92.990.852	302.125.000	320.632.126	-	74.483.726
Cộng	2.152.663.337	5.778.336.423	4.765.429.840	113.590.000	3.279.159.920
2019					
Quỹ khen thưởng	1.688.736.534	2.800.000.000	2.679.258.333	52.090.000	1.861.568.201
Quỹ phúc lợi	1.515.939.660	2.400.000.000	1.331.204.264	2.825.000	2.587.560.396
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	74.483.726	336.500.000	336.500.000	-	74.483.726
Cộng	3.279.159.920	5.536.500.000	4.346.962.597	54.915.000	4.523.612.323

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả

	Chi phí trả trước dài hạn
01/01/2018	1.135.172.495
Chuyển sang lợi nhuận trong năm	1.677.673.970
31/12/2018	2.812.846.465
Chuyển sang lợi nhuận (lỗ) trong năm	(1.577.352.011)
31/12/2019	1.235.494.454

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
01/01/2018	130.000.000.000	63.113.094.929	18.940.433.248	212.053.528.177
Lãi trong năm trước	-	-	13.553.466.600	13.553.466.600
Trích lập các quỹ ĐTP – DPTC	-	736.628.598	(736.628.598)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.778.336.423)	(5.778.336.423)
Chia cổ tức trong năm	-	-	(9.100.000.000)	(9.100.000.000)
31/12/2018	130.000.000.000	63.849.723.527	16.878.934.827	210.728.658.354
	-	-	-	-
01/01/2019	130.000.000.000	63.849.723.527	16.878.934.827	210.728.658.354
Lãi trong năm nay	-	-	22.050.158.222	22.050.158.222
Trích lập các quỹ ĐTP – DPTC	-	-	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.536.500.000)	(5.536.500.000)
Chia cổ tức trong năm	-	-	(10.400.000.000)	(10.400.000.000)
31/12/2019	130.000.000.000	63.849.723.527	22.992.593.049	216.842.316.576

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 3 số **0304797806** ngày 18 tháng 05 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty là 13.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 3		31/12/2019	31/12/2018
	VND	%	VND	VND
Công ty Cổ phần Địa Ốc Chợ Lớn	3.000.000.000	2,31	3.000.000.000	3.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đông Á	2.766.520.000	2,13	-	-
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước Tp. HCM	3.005.000.000	2,31	3.005.000.000	3.005.000.000
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	66.304.000.000	51,00	66.304.000.000	66.304.000.000
Ông Lê Huy Hùng	-	-	21.567.900.000	21.567.900.000
Các cổ đông khác	54.924.480.000	42,25	36.123.100.000	36.123.100.000
Cộng	130.000.000.000	100,00	130.000.000.000	130.000.000.000

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ phiếu

	<u>31/12/2019</u>	<u>31/12/2018</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.000.000	13.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.000.000</i>	<i>13.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.000.000	13.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.000.000</i>	<i>13.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm theo Nghị quyết số 05/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/4/2019 của Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2019 như sau:

	<u>2019</u>	<u>2018</u>
Chia cổ tức cho các cổ đông	10.400.000.000	9.100.000.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	736.628.598
Trích quỹ khen thưởng	2.800.000.000	2.549.870.877
Trích quỹ phúc lợi	2.400.000.000	2.926.340.546
Quỹ thưởng ban điều hành	336.500.000	302.125.000
Cộng	<u>15.936.500.000</u>	<u>15.614.965.021</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>2019</u>	<u>2018</u>
Doanh thu thuần		
Doanh thu cung cấp nước	1.046.606.482.247	993.197.590.051
Doanh thu cung cấp dịch vụ	20.483.516.718	17.863.714.550
Cộng	<u>1.067.089.998.965</u>	<u>1.011.061.304.601</u>
Trong đó doanh thu đối với Bên liên quan		
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn	5.191.870.772	10.302.354.559
Cộng	<u>5.191.870.772</u>	<u>10.302.354.559</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	2019	2018
2. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn cung cấp nước	960.988.227.423	924.294.850.158
Giá vốn cung cấp dịch vụ	11.813.116.466	15.869.855.253
Cộng	972.801.343.889	940.164.705.411
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	4.714.522.239	3.089.489.837
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	49.851.308	41.208.916
Cộng	4.764.373.547	3.130.698.753
4. Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay	2.827.285.938	1.343.929.448
Cộng	2.827.285.938	1.343.929.448
5. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên bán hàng	17.463.386.984	11.866.003.689
Chi phí công cụ, dụng cụ	621.279.947	2.043.411.715
Chi phí khấu hao	780.506.178	880.463.990
Chi phí bằng tiền khác	1.896.504.349	2.457.443.266
Cộng	20.761.677.458	17.247.322.660
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	21.868.319.716	20.542.809.736
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.326.354.247	3.587.533.532
Chi phí khấu hao	3.478.815.001	3.850.771.711
Thuế, phí và lệ phí	240.309.367	211.440.159
Thuê đất	1.183.468.800	1.650.840.600
Chi phí dự phòng giảm giá	1.113.628.459	229.644.233
Chi phí dịch vụ mua ngoài	141.358.760	426.833.357
Chi phí bằng tiền khác	13.627.950.727	9.802.491.593
Cộng	43.980.205.077	40.302.364.921
7. Lợi nhuận khác		
Thu nhập khác	2.120.886.628	2.263.773.424
Thu nhập nhượng bán, thanh lý công cụ dụng cụ	24.830.636	73.650.822
Thu nhập bán hồ sơ mời thầu	909.091	10.000.001
Thu nhập khách hàng đầu tư ống cái không hoàn lại	1.801.867.414	1.120.027.565
Thu phí định mức nước, bồi thường di dời hệ thống cấp nước	-	559.712.674
Khảo sát cung cấp đường ống cấp thoát nước	15.468.000	6.536.000
Thu nhập khác	277.811.487	493.846.362

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	2019	2018
Chi phí khác	3.315.239.239	600.502.829
Chi phí thanh lý Tài sản cố định	29.301.895	-
Chi phí thanh lý công cụ dụng cụ	2.003.278	-
Nộp thuế chậm nộp	876.243.922	-
Chi phí hồ sơ mời thầu	76.839.709	7.692.000
Chi phí đầu tư không hoàn vốn ổng cái	1.398.012.533	531.800.033
Chi phí khác	932.837.902	61.010.796
Lợi nhuận (lỗ) khác thuần	(1.194.352.611)	1.663.270.595
8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Lợi nhuận (lỗ) trước thuế	30.289.507.539	16.796.951.509
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch	21.114.431.991	11.419.232.642
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	9.175.075.549	5.377.718.867
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	9.429.411.743	(8.651.959.584)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(6.527.249.661)	9.428.599.563
Chênh lệch tạm thời khoản chi phí trả trước	(8.926.409.761)	9.428.599.563
Thu nhập không chịu thuế khác	2.399.160.100	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.902.162.082	776.639.979
Chi phí trích trước chưa có hóa đơn chứng từ	-	-
Chi phí phạt nộp chậm, truy thu thuế	1.529.819.813	-
Chi phí không liên qua hoạt động sản xuất kinh doanh	887.613.204	37.857.370
Lương HDQT không trực tiếp tham gia điều hành	484.729.065	738.782.609
Tỷ lệ ưu đãi đầu tư kinh doanh nước sạch	22%	23%
Thu nhập chịu thuế	39.718.919.282	8.144.991.925
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch được ưu đãi	6.793.900.022	631.874.457
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch không được ưu đãi	23.749.943.711	2.135.398.601
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	9.175.075.549	5.377.718.867
Thuế suất áp dụng		
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi	10%	10%
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	7.264.393.854	1.565.810.939
- Thuế tăng/ giảm theo Quyết định thanh tra	2.552.307.474	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9.816.701.328	1.565.810.939

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Đối với hoạt động chính của Công ty thuộc danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong thời gian 10 năm và với thuế suất phổ thông trên thu nhập chịu thuế trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo kể từ năm 2007.

Theo Biên bản kết luận thanh tra thuế số 1757/KL-CT ngày 14 tháng 12 năm 2015 thì từ kỳ tính thuế năm 2009, Công ty sẽ được áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính cho thời gian còn lại. Do đó đến hết kỳ tính thuế năm 2018, Công ty đã hết thời gian miễn thuế theo Thông tư số 134/2007/TT-BTC nên mức ưu đãi Công ty được hưởng cụ thể như sau: Thuế suất 10% từ năm 2009 đến năm 2021; giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tính từ năm 2009.

Năm 2019 Công ty không còn được hưởng ưu đãi giảm thuế 50% đối với thu nhập từ hoạt động quản lý phát triển hệ thống cấp thoát nước. Chỉ còn được hưởng thuế suất 10%.

Đối với hoạt động khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Chi phí trả trước dài hạn
01/01/2018	1.135.172.495
Chuyển sang lợi nhuận trong năm	1.677.673.970
31/12/2018	2.812.846.465
Chuyển sang lợi nhuận trong năm	(1.577.352.011)
31/12/2019	1.235.494.454

10. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2019	2018
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	22.050.158.222	13.553.466.600
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(7.652.180.006)	(5.536.500.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	14.397.978.216	8.016.966.600
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.000.000	13.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.108	617

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	2019	2018
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	22.050.158.222	13.553.466.600
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(7.652.180.006)	(5.536.500.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	14.397.978.216	8.016.966.600
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	14.397.978.216	8.016.966.600
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	13.000.000	13.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.108	617

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nước sạch	732.425.743.698	730.503.009.319
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.446.135.459	11.691.803.964
Chi phí nhân công	119.193.942.791	103.608.125.393
Chi phí khấu hao tài sản cố định	46.524.701.645	45.692.358.185
Chi phí dịch vụ mua ngoài	60.248.635.543	47.948.005.670
Chi phí khác bằng tiền	67.704.067.288	58.271.090.461
Cộng	1.037.543.226.424	997.714.392.992

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	2019	2018
Mua sắm/ xây dựng tài sản trong năm chưa thanh toán	-	2.555.816.179
Cổ tức chưa thanh toán	1.160.909.190	1.065.178.735
Lãi vay chưa thanh toán	573.302.221	282.419.687
Lãi tiền gửi còn dự thu	582.163.362	941.469.774

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	<u>2019</u>	<u>2018</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng còn dự thu cuối năm trước đã thu trong năm nay	941.469.774	83.437.500
Cổ tức năm trước được chi trả trong năm nay	1.065.178.735	1.116.623.691
Thanh toán trước tiền mua tài sản cố định	22.428.978.092	6.372.486.740
Mua sắm tài sản cố định năm trước chi trả trong năm nay	<u>2.555.816.179</u>	<u>322.635.546</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn
Công ty Công trình giao thông Công Chánh
Công ty CP tư vấn Xây dựng Cấp Nước
Xí nghiệp Truyền Dẫn Nước sạch
Công ty CP Tư Vấn XD CT Giao Thông Công Chánh
Chi nhánh Cấp nước Tân Hòa
Công ty CP Cấp nước Nhà Bè

Mối quan hệ

Công ty mẹ (nắm giữ 51% vốn Điều lệ)
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	<u>2019</u>	<u>2018</u>
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn		
Mua hàng hóa (nước sạch)	732.425.743.697	730.503.009.319
Mua vật tư	3.605.917.000	4.636.179.000
Thuê tài sản hoạt động	46.620.684.816	47.521.172.313
Lãi vay phải trả	-	387.650.731
Phải trả do thu hộ và tiền dịch vụ khác	38.181.818	69.681.818
Phải thu cho thuê TSCĐ huyện Bình Chánh	5.291.121.555	10.365.741.056
Phải thu do cung cấp dịch vụ khác	<u>-</u>	<u>(63.386.497)</u>
 Công ty Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Cấp nước		
Phải trả phí thực hiện công trình XD CB, gia công đồng hồ nước, giám sát công trình	<u>255.105.590</u>	<u>1.004.631.836</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	2019	2018
Công ty CP Tư Vấn XD CT Giao Thông Công Chánh		
Phải trả Xây dựng cơ bản	66.190.320	717.510.137
Xí nghiệp Truyền Dẫn Nước sạch		
Phải thu cung cấp dịch vụ	-	(10.776.471)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:

	31/12/2019	31/12/2018
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn		
Phải thu thương mại	8.744.552.186	12.951.055.881
Phải trả thương mại	(84.226.174.885)	(95.768.554.632)
Phải trả phí thực hiện công trình XD CB	(711.572.719)	(711.572.719)
Công ty Công trình giao thông Công Chánh		
Phải trả đặt cọc di dời đường ống	(70.000.000)	(70.000.000)
Công ty CP tư vấn Xây dựng Cấp Nước		
Ứng trước phí thực hiện lập báo cáo đầu tư và khảo sát, tự thiết kế, tư vấn giám sát công trình	54.020.108	103.158.207
Công ty CP Tư Vấn XD CT Giao Thông Công Chánh		
Phải trả Xây dựng cơ bản	-	(223.677.256)
Xí nghiệp Truyền Dẫn Nước sạch		
Phải thu thương mại	-	292.958.500
Phải thu khác	-	15.695.000

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:

	2019	2018
Tiền lương	2.894.000.000	2.448.000.000
Các khoản bảo hiểm phải trả	195.521.172	86.772.535
Cộng	3.089.521.172	2.534.772.535

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động gồm: Bộ phận cung cấp nước sạch và bộ phận lắp đặt, di dời đồng hồ nước và các dịch vụ khác. Tuy nhiên, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cung cấp nước sạch các lĩnh vực còn lại chiếm tỷ lệ nhỏ, không đáng kể.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty đều diễn ra ở khu vực hoạt động kinh doanh của Công ty (quận 5, quận 6, quận 8, quận Bình Tân).

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số V.17a và V.17b trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>31/12/2019</u>	<u>31/12/2018</u>
Các khoản vay	37.549.123.365	27.192.140.986
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(64.195.166.006)	(32.462.303.526)
Nợ thuần	(26.646.042.641)	(5.270.162.540)
Vốn chủ sở hữu	216.842.316.576	210.728.658.354
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	(0,12)	(0,03)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>31/12/2019</u>		<u>31/12/2018</u>	
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	64.195.166.006	64.195.166.006	32.462.303.526	32.462.303.526
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	17.547.022.295	17.547.022.295	50.605.083.234	50.605.083.234
Phải thu của khách hàng	26.919.030.363	23.590.666.135	18.747.944.300	16.533.208.531
Phải thu khác	590.455.996	590.455.996	954.762.408	954.762.408
Cộng	109.251.674.660	105.923.310.432	102.770.093.468	100.555.357.699

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	31/12/2019		31/12/2018	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị ghi sổ	Giá trị ghi sổ	Giá trị ghi sổ
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	91.386.763.201	91.386.763.201	106.546.476.852	106.546.476.852
Chi phí phải trả	10.711.847.966	10.711.847.966	12.090.394.702	12.090.394.702
Phải trả khác	22.598.496.545	22.598.496.545	26.589.676.638	26.589.676.638
Các khoản vay	37.549.123.365	37.549.123.365	27.192.140.986	27.192.140.986
Cộng	162.246.231.077	162.246.231.077	172.418.689.178	172.418.689.178

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày lập Báo cáo tài chính, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá và sự thay đổi về giá khác.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Toàn bộ các khoản vay của Công ty là từ Công ty mẹ và các Công ty trong cùng tập đoàn với lãi suất ổn định nên Công ty không có rủi ro về lãi suất.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng..).

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín trong nước. Ban Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tiền gửi này.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
31/12/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	64.195.166.006	-	-	64.195.166.006
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	17.538.692.295	8.330.000	-	17.547.022.295
Phải thu của khách hàng	23.590.666.135	-	-	23.590.666.135
Phải thu khác	582.163.362	8.292.634	-	590.455.996
Cộng	105.906.687.798	16.622.634	-	105.923.310.432
Phải trả cho người bán	91.386.763.201	-	-	91.386.763.201
Chi phí phải trả	10.711.847.966	-	-	10.711.847.966
Phải trả khác	8.215.309.409	14.383.187.136	-	22.598.496.545
Các khoản vay	5.615.559.054	23.382.384.864	8.551.179.447	37.549.123.365
Cộng	115.929.479.630	37.765.572.000	8.551.179.447	162.246.231.077
Chênh lệch thanh khoản thuần	(10.022.791.832)	(37.748.949.366)	(8.551.179.447)	(56.322.920.645)
31/12/2018				
Tiền và các khoản tương đương	32.462.303.526	-	-	32.462.303.526

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
tiền				
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	50.596.753.234	8.330.000	-	50.605.083.234
Phải thu của khách hàng	16.533.208.531	-	-	16.533.208.531
Phải thu khác	941.469.774	13.292.634	-	954.762.408
Cộng	100.533.735.065	21.622.634	-	100.555.357.699
Phải trả cho người bán	106.546.476.852	-	-	106.546.476.852
Chi phí phải trả	12.090.394.702	-	-	12.090.394.702
Phải trả khác	10.217.861.297	16.371.815.341	-	26.589.676.638
Các khoản vay	3.737.480.000	18.687.400.000	4.767.260.986	27.192.140.986
Cộng	132.592.212.851	35.059.215.341	4.767.260.986	172.418.689.178
Chênh lệch thanh khoản thuần	(32.058.477.786)	(35.037.592.707)	(4.767.260.986)	(71.863.331.479)

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức cao do các công nợ tài chính cao hơn tài sản tài chính. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin rằng hoạt động kinh doanh của Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

4. Số liệu so sánh

Một số chỉ tiêu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được phân loại lại phù với cách trình bày của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, chi tiết như sau:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh


	Năm 2018 (Đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Năm 2018 (Đã được trình bày lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	679	(62)	617
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	679	(62)	617

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2020


NGUYỄN THỊ KIM LOAN
Người lập biểu


VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Kế toán trưởng



HUỲNH TUẤN ANH
Giám đốc

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

BẢN GIẢI TRÌNH CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NĂM 2019 SAU KIỂM TOÁN

Theo báo cáo kết quả kinh doanh năm 2019 của Công Ty Cổ Phần Cấp Nước Chợ Lớn, những chỉ tiêu có tỷ lệ thay đổi tăng, giảm làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của năm 2019 như sau:

I. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ:

a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Doanh thu nước và doanh thu cho thuê TSCĐ:	1,046,606,482,247	993,197,590,050	53,408,892,197	105.38%
Doanh thu nước	1,041,315,360,692	987,885,944,778	53,429,415,914	105.41%
Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động	5,291,121,555	5,311,645,272	(20,523,717)	99.61%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	20,483,516,718	17,863,714,550	2,619,802,168	114.67%
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,067,089,998,965	1,011,061,304,600	56,028,694,365	105.54%

b. Thuyết minh:

Doanh thu thuần bán hàng năm 2019 tăng so với năm 2018 là 56.028.694.365 đồng, tỷ lệ 105.54% do:

1. Doanh thu nước năm 2019 tăng 53.429.415.914 đồng so với năm 2018, tỷ lệ tăng 105,41% do:

1.1 Sản lượng nước tiêu thụ năm 2019 tăng so với năm 2018 là 3.484.002m³, tỷ lệ tăng 103% => doanh thu tăng 33.691.114.947 đồng

1.2 Giá bán bình quân năm 2019 tăng 189,43 đồng/m³, tăng 102% so với năm 2018 => doanh thu tăng 19.738.300.967 đồng

2. Doanh thu cung cấp dịch vụ năm 2019 tăng so với năm 2018 là 2.619.802.168 đồng, tỷ lệ tăng 114,67% tăng chủ yếu là tăng doanh thu thanh lý vật tư phế thải ngành nước, năm 2018 không phát sinh.

II. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Giá vốn hàng bán nước	960,988,227,423	924,294,850,158	36,693,377,265	103.97%
Giá vốn hàng bán cung cấp dịch vụ	11,813,116,466	15,869,855,253	(4,056,738,787)	74.44%
Cộng	972,801,343,889	940,164,705,411	32,636,638,478	103.47%

Trong đó chi tiết giá vốn nước:

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí nước sạch	732,425,743,698	730,503,009,319	1,922,734,379	100.26%
Chi phí vật liệu	4,277,459,414	3,026,475,998	1,250,983,416	141.33%



Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí nhân công	79,862,236,091	71,199,311,968	8,662,924,123	112.17%
Chi phí khấu hao tài sản	42,265,380,466	40,961,122,484	1,304,257,982	103.18%
Chi phí thuê tài sản hoạt động	46,620,684,816	47,521,172,313	(900,487,497)	98.11%
Chi phí gắn và thay đồng hồ nước	37,102,732,036	16,505,433,893	20,597,298,143	224.79%
Chi phí chống thất thoát nước	6,735,539,839	7,021,924,548	(286,384,709)	95.92%
Chi phí cải tạo ống mục	1,110,877,861	816,605,901	294,271,960	136.04%
Chi phí sửa bể	8,993,408,772	5,279,930,988	3,713,477,784	170.33%
Chi phí khác	1,594,164,430	1,459,862,746	134,301,684	109.20%
Tổng chi phí sản xuất	960,988,227,423	924,294,850,158	36,693,377,265	103.97%
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ		0	-	
Giá vốn đã cung cấp	960,988,227,423	924,294,850,158	36,693,377,265	103.97%

b. Thuyết minh

Tổng giá vốn bán hàng năm 2019 tăng so với năm 2018 là 32.636.638.478 đồng, tỷ lệ tăng 103,47% do:

1. Tổng giá vốn nước năm 2019 tăng so với năm 2018 là 36.693.377.265 đồng, tỷ lệ 103,97% do:

Chi phí mua si nước sạch tăng 1.922.734.379 đồng, tỷ lệ tăng 100,26% do:

Sản lượng nước mua si năm 2019 giảm so với năm 2018 là 4.021.512 m³, tỷ lệ giảm 2,75%, làm cho chi phí mua si nước sạch giảm 20.725.970.598 đồng

Giá mua si nước sạch tăng 155 đồng/m³, tỷ lệ tăng 103% làm cho chi phí mua si nước sạch tăng 22.648.704.796 đồng

2. Chi phí nguyên vật liệu tăng 1.250.983.416 đồng, tỷ lệ tăng 141,33% (nguyên vật liệu tăng chủ yếu phục vụ công tác sửa bể và chống thất thoát nước)

3. Chi phí nhân công năm 2019 tăng so với năm 2018 là 8.662.924.123 đồng, tỷ lệ tăng 112,17% chi phí tăng chủ yếu: khoản chi phí bảo hiểm nhân thọ, chi phí tiền lương.

4. Chi phí khấu hao TSCĐ tăng 1.304.257.982 đồng, tỷ lệ tăng 103,18%

5. Chi phí thuê TSCĐ năm 2019 giảm so với năm 2018 là 900.487.497 đồng, tỷ lệ giảm 1,89%, do chi phí lãi vay phải trả của Tổng cty giảm làm cho chi phí thuê TSCĐ giảm

6. Chi phí gắn và thay ĐHN năm 2019 tăng so với năm 2018 là 20.597.298.143 đồng, tỷ lệ tăng 224,79% do ngoài chi phí phân bổ gắn và thay ĐHN định kỳ của năm 2018 trở về trước, năm 2019 Công ty đã thực hiện thay định kỳ 67.590 ĐHN làm cho chi phí này tăng so với năm 2018 và gắn 6.000 mới ĐHN. Đồng thời chi phí gắn ĐHN năm 2019 hạch toán toàn bộ trong năm.

7. Chi phí sửa bể năm 2019 tăng cao so với năm 2018 là 3.713.477.784 đồng, tỷ lệ tăng 170,33% do năm 2019 ngoài việc Công ty tự thực hiện dò và sửa bể, Công ty thuê đơn vị ngoài thực hiện công tác dò bể nhằm kéo giảm tỷ lệ thất thoát nước (năm 2019 thuê ngoài do và sửa bể là 8.802.967.336 đồng, năm 2018 thuê ngoài là 5.153.211.675 đồng)

8. Giá vốn hàng bán cung cấp dịch vụ năm 2019 thấp hơn năm 2018 là 4.056.738.787 đồng, tỷ lệ giảm là 25,56%

III. CHI PHÍ BÁN HÀNG

03
CC
20
IP
IQ
?H

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí nhân công	17,463,386,984	11,866,003,689	5,597,383,295	147.17%
Chi phí công cụ dụng cụ	621,279,947	2,043,411,715	(1,422,131,768)	30.40%
Chi phí khấu hao	780,506,178	880,463,990	(99,957,812)	88.65%
Chi phí dịch vụ mua ngoài + CP khác	1,896,504,349	2,457,443,266	(560,938,917)	77.17%
Cộng	20,761,677,458	17,247,322,660	3,514,354,798	120.38%

b. Thuyết minh:

Chi phí bán hàng năm 2019 tăng so với năm 2018 là 3.514.354.798 đồng, tỷ lệ tăng 120,38% tăng chủ yếu do: khoản chi phí bảo hiểm nhân thọ, chi phí tiền lương.

IV. CHI PHÍ QUẢN LÝ

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí nhân công	21,868,319,716	20,542,809,736	1,325,509,980	106.45%
Chi phí công cụ dụng cụ	2,326,354,247	3,587,533,532	(1,261,179,285)	64.85%
Chi phí khấu hao	3,478,815,001	3,850,771,711	(371,956,710)	90.34%
Thuế, tiền thuê đất	1,183,468,800	1,650,840,600	(467,371,800)	71.69%
Phí chuyển tiền	240,309,367	211,440,159	28,869,208	113.65%
Dự phòng	1,113,628,459	229,644,233	883,984,226	484.94%
Chi phí dịch vụ mua ngoài + CP khác	13,769,309,487	10,229,324,950	3,539,984,537	134.61%
Cộng	43,980,205,077	40,302,364,921	3,677,840,156	109.13%

b. Thuyết minh:

Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2019 tăng so với năm 2018 là 3.677.840.156 đồng, tỷ lệ tăng 109,13% do:

- Chi phí nhân công tăng so với năm 2018 là 1.325.509.980 đồng, tỷ lệ tăng 106,45% tăng chủ yếu do: khoản chi phí bảo hiểm nhân thọ, chi phí tiền lương.
- Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi tăng so với năm 2018 là 883.984.226 đồng do năm 2019, Công ty đã chuyển nợ khó đòi và trích lập dự phòng khoản phải thu tiền nước đã được hạch toán theo biên bản kiểm toán nhà nước năm 2017.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác tăng so với năm 2018 là 3.539.984.537 đồng, tỷ lệ tăng 134,61% do năm 2019, Công ty hạch toán khoản chi tham quan nghỉ mát và các khoản chi mang tính chất phúc lợi vào chi phí, năm 2018 hạch toán khoản chi này vào quỹ phúc lợi.

V. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	4,714,522,239	3,089,489,837	1,625,032,402	152.60%
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	49,851,308	41,208,916	8,642,392	120.97%
Cộng	4,764,373,547	3,130,698,753	1,633,674,794	152.18%

b. *Thuyết minh:*

Lãi tiền gửi ngân hàng năm 2019 tăng so với năm 2018 là 1.633.674.794 đồng, tỷ lệ tăng 152,18% do năm 2018 lượng tiền gửi có kỳ hạn cao nên lãi tiền gửi cao hơn so với năm 2018

VI. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

a. *Phân tích chi tiêu:*

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Lãi vay	2,827,285,938	1,343,929,448	1,483,356,490	210.37%
Cộng	2,827,285,938	1,343,929,448	1,483,356,490	210.37%

b. *Thuyết minh:*

Chi phí hoạt động tài chính năm 2019 tăng so với năm 2018 là 1.483.356.490 đồng, tỷ lệ tăng 210,37% do năm 2019 Công ty phải thanh toán lãi vay của các dự án năm 2017 và năm 2018 đã được giải ngân trong năm 2019

VII. THU NHẬP KHÁC

a. *Phân tích chi tiêu:*

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Thu nhập nhượng bán, thanh lý công cụ dụng cụ	24,830,636		24,830,636	
Thu hồ sơ mời thầu	909,091	10,000,001	(9,090,910)	9.09%
Thu tiền KH đầu tư ống cái	1,801,867,414	1,120,027,565	681,839,849	160.88%
Thu tiền bồi thường di dời	-	559,712,674	(559,712,674)	0.00%
Thanh lý TSCĐ	-	73,650,822	(73,650,822)	0.00%
Khảo sát cung cấp đường ống cấp thoát nước	15,468,000	6,536,000	8,932,000	236.66%
Thu khác	277,811,487	493,846,362	(216,034,875)	56.25%
Cộng	2,120,886,628	2,263,773,424	(142,886,796)	93.69%

b. *Thuyết minh:*

Thu nhập khác của năm 2019 giảm so với năm 2018 là 142.886.796 đồng, tỷ lệ giảm 6,31%.

IX. CHI PHÍ KHÁC

a. *Phân tích chi tiêu:*

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí hồ sơ mời thầu	76,839,709	7,692,000	69,147,709	998.96%
Chi phí thanh lý tài sản cố định	29,301,895	-	29,301,895	
Chi phí thanh lý công cụ dụng cụ	2,003,278	-	2,003,278	
Chi phí đầu tư ống cái không hoàn lại	1,398,012,533	531,800,033	866,212,500	262.88%
Phạt do nộp thuế chậm nộp	876,243,922	-	876,243,922	
Chi phí khác	932,837,902	61,010,795	871,827,107	1528.97%
Cộng	3,315,239,239	600,502,828	2,714,736,411	552.08%

378
TY
4M
OC
N
1M

b. *Thuyết minh:*

Chi phí khác của năm 2019 tăng so với năm 2018 là 2.714.736.411 đồng, tỷ lệ tăng 552,08% tăng chủ yếu là do: chi phí đầu tư ông cái không hoàn vốn, khoản phạt do nộp thuế chậm nộp và chi phí khác .

IX. LỢI NHUẬN:

a. *Phân tích chi tiêu:*

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Lợi nhuận trước thuế TNDN gồm:	30,289,507,539	16,796,951,509	13,492,556,030	180.33%
<i>Lợi nhuận nước</i>	<i>20,876,372,289</i>	<i>11,353,052,311</i>	<i>9,523,319,978</i>	<i>184%</i>
<i>Lợi Nhuận cung cấp dịch vụ</i>	<i>8,670,400,252</i>	<i>1,993,859,297</i>	<i>6,676,540,955</i>	<i>434.86%</i>
<i>Lợi nhuận HĐTC</i>	<i>1,937,087,609</i>	<i>1,786,769,305</i>	<i>150,318,304</i>	<i>108.41%</i>
<i>Lợi nhuận khác</i>	<i>(1,194,352,611)</i>	<i>1,663,270,596</i>	<i>(2,857,623,207)</i>	<i>-71.81%</i>
Thuế TNDN hiện hành phải nộp	7,264,393,854	1,565,810,939	5,698,582,915	463.94%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm 2016, 2018 (truy thu theo biên bản thanh tra thuế 817/KL-CT/30/11/2019)	2,552,307,474	-	2,552,307,474	
Thuế TNDN hoãn lại	(1,577,352,011)	1,677,673,970	(3,255,025,981)	
Lợi nhuận sau thuế TNDN	22,050,158,222	13,553,466,600	8,496,691,622	162.69%

b. *Thuyết minh:*

Qua phân tích các chi tiêu doanh thu - chi phí nêu trên thì lợi nhuận trước thuế của năm 2019 tăng so với lợi nhuận trước thuế của năm 2018 là 13.492.556.030 đồng, tỷ lệ tăng 180,33% và lợi nhuận sau thuế năm 2019 tăng so với năm 2018 là 8.496.691.622 đồng, tỷ lệ tăng là 162,69%.

LẬP BIỂU

NGUYỄN THỊ KIM LOAN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

VŨ THỊ NHƯ QUỲNH



HUỲNH TUẤN ANH